

Bản án số: 25/2018/HS-PT
Ngày 27-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thiêm

Các Thẩm phán: Bà Trần Thu Hương

Ông Cao Văn Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Trương Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 10/2018/TLPT-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018 do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Duy N, Phùng Văn C, Vũ Văn T, Phạm Văn H, Nguyễn Văn T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2017/HSST ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện KT, thành phố Hải Phòng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Duy N, sinh ngày 26 tháng 4 năm 1978 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn TT, xã TT, huyện KT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q, sinh năm 1958 và bà Vũ Thị K, sinh năm 1956; có vợ là Nguyễn Thị T2, sinh năm 1985 và 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/8/2017 đến ngày 30/8/2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Phùng Văn C, sinh ngày 19 tháng 01 năm 1978 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn TT, xã TT, huyện KT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn P, sinh năm 1958 và bà Ngô Thị L, sinh năm 1957; có vợ là Phạm Thị T3, sinh năm 1980 và 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ

sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/8/2017 đến ngày 30/8/2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Vũ Văn T (tên gọi khác: Phụng), sinh ngày 06/01/1979 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn TT, xã TT, huyện KT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn L1 (đã chết) và bà Phạm Thị P1, sinh năm 1949; có vợ là Lương Thị T4, sinh năm 1986 và 01 con, sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/8/2017 đến ngày 30/8/2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Phạm Văn H, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1978 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn TT, xã TT, huyện KT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L2 (đã chết) và bà Vũ Thị T5, sinh năm 1953; có vợ là Cao Thị T6, sinh năm 1986 và 03 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/8/2017 đến ngày 30/8/2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1970 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn TT, xã TT, huyện KT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1930 và bà Đào Thị M, sinh năm 1933; có vợ là Dương Thị N1, sinh năm 1985 và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/8/2017 đến ngày 30/8/2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 27/8/2017, C, N, H, T đến nhà T1 chơi. Đến khoảng 20 giờ 55 phút cùng ngày, N rủ C, H, T đánh bạc được thua bằng tiền, cả nhóm đồng ý. N bảo T1 đi mua hộ một bộ bài tú lơ khơ để nhóm của N đánh bạc, T1 đồng ý và đi ra quán tạp hóa ở gần nhà mua một bộ bài tú lơ khơ về để ở chiếu trải sẵn giữa nền nhà cho nhóm của N đánh bạc. Khi đánh bạc, mỗi người bỏ ra 10.000.000 đồng để đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm và quy ước, khi kết thúc mỗi bán, những người có số điểm nhiều thứ hai, thứ ba, thứ tư phải trả cho người có số điểm ít nhất (gọi là người về nhất) tương ứng với số tiền 100.000 đồng, 200.000 đồng, 300.000 đồng. Người nào cháy (không có phỏm) phải trả cho người về nhất số tiền 500.000 đồng. Người nào ù thì những người còn lại mỗi người phải trả cho người ù số tiền 700.000 đồng, nếu ù đồng hoa, ù tứ quý thì những người còn lại phải trả cho người ù số tiền 1.400.000 đồng. Cả nhóm đánh bạc đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày

thì bị Công an huyện KT phát hiện, bắt quả tang. N cầm tiền của mình và của C ở dưới chiếu bạc, H cầm tiền của mình bỏ chạy để cất giấu thì bị Công an bắt giữ, thu của H số tiền 20.100.000 đồng; của N số tiền 12.100.000 đồng (gồm cả tiền của C); của T số tiền 7.800.000 đồng, tổng số tiền là 40.000.000 đồng, đều là số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc. Khi đánh bạc không có ai canh gác, cảnh giới, không ai vay mượn tiền của nhau và không phải nộp tiền hồ. Nguyễn Văn T1 khai biết nhóm N, H, C và T rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền tại nhà mình, khi N nhờ T1 đi mua hộ bộ bài để nhóm của N đánh bạc, T1 đồng ý. Vì quan hệ bạn bè nên T1 đồng ý để nhóm của N đánh bạc tại nhà mình, T1 không được lợi ích gì và không yêu cầu nhóm N phải nộp tiền hồ cho T1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2017/HSST ngày 20/12/2017, Tòa án nhân dân huyện KT, thành phố Hải Phòng:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999; xử phạt: Phạm Duy N: 15 tháng tù về tội “Đánh bạc”; Phùng Văn C, Phạm Văn H, Vũ Văn T: 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo đi thi hành án (trừ cho các bị cáo 03 ngày tạm giữ từ ngày 28/8/2017 đến ngày 30/8/2017).

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999; xử phạt: Nguyễn Văn T1: 15 tháng tù về tội “Gá bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ từ ngày 28/8/2017 đến ngày 30/8/2017).

Phạt tiền mỗi bị cáo Phạm Duy N, Phùng Văn C, Phạm Văn H, Vũ Văn T 3.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn T1 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, còn quyết định xử lý vật chứng, tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/12/2017, các bị cáo Phạm Duy N, Nguyễn Văn T1, Phùng Văn C, Vũ Văn T, Phạm Văn H có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

** Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:*

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, vai trò, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo Phạm Duy N, Nguyễn Văn T1 15 tháng tù; Phùng Văn C, Vũ Văn T, Phạm Văn H 12 tháng tù là thỏa đáng, không nặng.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo đều cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới: Bị cáo C có bố đẻ tham gia quân đội được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ về vang hạng Ba, Huân chương chiến công hạng

Nhì; bị cáo Vũ Văn T có tham gia nhập ngũ, thực hiện nghĩa vụ quân sự; bị cáo T1 đã nộp tiền phạt, bị cáo có ông nội được tặng Bằng gia đình vẻ vang, bố đẻ bị cáo tham gia kháng chiến được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương, giấy khen; bị cáo N có cụ nội được truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bố vợ bị cáo được tặng Bằng khen vì đã có thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo C, T, T1, N.

Các bị cáo T, H, C đều có nhân thân tốt, không phải vai trò chính, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng được chính quyền địa phương xác nhận; các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, H, C: Giữ nguyên mức hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo. Đối với các bị cáo N, T1, mặc dù các bị cáo có cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới nhưng xét bị cáo N là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia đánh bạc nên có vai trò cao nhất; bị cáo T1 phạm tội “Gá bạc”, cho người khác sử dụng địa điểm của mình để đánh bạc với quy mô lớn (các bị cáo đánh bạc với số tiền 40.000.000 đồng) nên các bị cáo N, T1 không đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T1, N và nguyên Bản án đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Duy N, Phùng Văn C, Vũ Văn T, Phạm Văn H, Nguyễn Văn T1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào hồi 22h 30 phút ngày 27/8/2017 tại nhà bị cáo Nguyễn Văn Toàn ở thôn TT, xã TT, huyện KT, thành phố Hải Phòng; các bị cáo Phạm Duy N, Phùng Văn C, Vũ Văn T, Phạm Văn H đã có hành vi đánh bạc ăn tiền. Bị cáo N sau khi rủ được các bị cáo C, H, T đánh bạc có nhờ bị cáo T1 đi mua bộ tú lơ khơ. Mỗi bị cáo chơi bài bỏ ra 10.000.000 đồng để trên chiếu nhằm mục đích đánh phỏm với quy ước khi kết thúc mỗi ván bài, những người có số điểm ít thứ hai, thứ ba, thứ tư phải trả cho người có số điểm ít nhất tương ứng với số tiền 100.000 đồng, 200.000 đồng, 300.000 đồng. Người nào cháy (không có phỏm) phải trả cho người về nhất số tiền 500.000 đồng; người nào ù thì những người còn lại phải trả số tiền 700.000 đồng; nếu ù đồng hoa, ù tứ quý thì những người còn lại phải trả số tiền 1.400.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 40.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội “Gá bạc” theo khoản 1 Điều 249 Bộ

luật Hình sự; bị cáo Phạm Duy N, Phùng Văn C, Vũ Văn T, Phạm Văn H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo:

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, vai trò, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo N là người đề xuất nên có vai trò cao nhất; các bị cáo N, C, T, H đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo T1 thành khẩn khai báo nên đã xử phạt bị cáo T1 15 tháng tù, bị cáo N 15 tháng tù, các bị cáo C, H, T 12 tháng tù là thỏa đáng, không nặng.

[3] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo đều cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới: Bị cáo C có bố để tham gia quân đội được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba, Huân chương chiến công hạng Nhì; bị cáo Vũ Văn T có tham gia nhập ngũ, thực hiện nghĩa vụ quân sự; bị cáo T1 đã nộp tiền phạt, bị cáo có ông nội được tặng Bằng gia đình vẻ vang, bố để bị cáo tham gia kháng chiến được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương, giấy khen; bị cáo N có cụ nội được truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bố vợ bị cáo được tặng Bằng khen vì đã có thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo C, T, T1, N.

[4] Đối với các bị cáo N, T, H, C đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng được chính quyền địa phương xác nhận. Mặc dù, bị cáo N có vai trò cao hơn nhưng việc các bị cáo đồng phạm mang tính chất giản đơn, không bàn bạc từ trước. Bị cáo T1 phạm tội “Gá bạc”, tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hiện là lao động chính trong gia đình; việc tổ chức cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà mình không phải do bị cáo đề nghị, khởi xướng mà do nể nang nên mới đồng ý bị cáo không thu tiền hồ để hưởng lợi bất chính; hành vi phạm tội của bị cáo cũng có mức độ. Do đó, các bị cáo N, T, H, C, T1 có đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự về án treo.

[5] Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo N, C, T, H, T1; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên đối với các bị cáo C, T, H; không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên đối với các bị cáo N, T1: Sửa Bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

[6] Về án phí: Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Duy N, Phùng Văn C, Phạm Văn H, Vũ Văn T, Nguyễn Văn T1; sửa Bản án sơ thẩm: Giữ nguyên mức hình phạt và cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999; xử phạt: Nguyễn Văn T1 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gá bạc”, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999; xử phạt: Phạm Duy N 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999; xử phạt: Phùng Văn C 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999; xử phạt: Vũ Văn T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999; xử phạt: Phạm Văn H 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Phạm Duy N, Phùng Văn C, Phạm Văn H, Vũ Văn T, Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã TT, huyện KT, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Về án phí: Các bị cáo Phạm Duy N, Phùng Văn C, Phạm Văn H, Vũ Văn T, Nguyễn Văn T1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án số 35/2017/HSST ngày 2/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện KT, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- VKSND cấp sơ thẩm;
- PV27 Công an TPHP;
- Công an cấp sơ thẩm;
- Toà án cấp sơ thẩm;
- Sở Tư pháp TP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm